MASAN
GROUP

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN

Tháng 10 năm 2009

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Định nghĩa 4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty 5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty 6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 6
Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần 6
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu 8
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác 8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 9
Điều 9. Thu hồi cổ phần 9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT 10
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý 10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 10
Điều 11. Quyền của Cổ Đông 10
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông 12
Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông 13
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông 14
Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Họp 15
Điều 16. Thay đổi các quyền 17
Điều 17. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 17
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 19
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông 19
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông 21
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông 22
Điều 22. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông 24
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 24
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 24
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị 25
Điều 26. Thường trực Hội Đồng Quản Trị 28
Điều 27. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị 28
Điều 28. Ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị 29
Điều 29. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị 29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 32
Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý 32
Điều 31. Người Quản Lý 33
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc 33
Điều 33. Thư Ký Công Ty 34

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ 35
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý 35
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 35
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 37
X. BAN KIỂM SOÁT 37
Điều 37. Thành viên Ban Kiểm Soát 37
Điều 38. Ban Kiểm Soát 38
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 39
Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 39
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 40
Điều 40. Công nhân viên và công đoàn 40
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN 40
Điều 41. Cổ tức 40
Điều 42. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận 41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 41
Điều 43. Tài khoản ngân hàng 41
Điều 44. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 42
Điều 45. Năm tài khóa 42
Điều 46. Hệ thống kế toán 42
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 42
Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 42
Điều 48. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng 43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 43
Điều 49. Kiểm toán 43
XVII. CON DẤU 44
Điều 50. Con dấu 44
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 44
Điều 51. Chấm dứt hoạt động 44
Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông 44
Điều 53. Gia hạn hoạt động 44
Điều 54. Thanh lý 45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 45
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ 45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 46
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ 46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 46
Điều 57. Ngày hiệu lực 46
Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty 47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (dưới đây gọi là "**Công Ty**") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Điều Lệ, các quy định của Công Ty, các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ và phù hợp với Pháp Luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều Lệ này được thông qua bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông vào ngày 09 tháng 10 năm 2009, gồm XXI chương 57 điều.

Điều Lệ này thay thế Điều Lệ được thông qua bởi các Cổ Đông của Công Ty tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thành lập Công Ty tổ chức vào ngày 21 tháng 10 năm 2004.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều Lệ này quy định khác, trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

   a. "Vốn Điều Lệ" là vốn do tất cả các Cổ Đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều Lệ này.

   b. "Luật Doanh Nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, và các sửa đổi bổ sung (nếu có).

   c. "Luật Chứng Khoán" có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, và các sửa đổi bổ sung (nếu có).

   d. "Ngày Thành Lập" là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu – ngày 18 tháng 11 năm 2004.

   e. "Người Quản Lý" là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.

   f. "Người Có Liên Quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 6.34 của Luật Chứng Khoán.

   g. "Thời Hạn Hoạt Động" là thời hạn hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 của Điều Lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua.

   h. "Việt Nam" là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

   i. "Pháp Luật" có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008 và các sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm.

j. "Cổ Đông" có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Công Ty.

k. "Đối Thủ Cạnh Tranh Của Công Ty" có nghĩa là bất cứ người nào hoặc doanh nghiệp nào, ngoại trừ các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công Ty, trực tiếp hay gián tiếp thực hiện hoặc tham gia hoạt động sản xuất/cung ứng dịch vụ và kinh doanh các sản phẩm/dịch vụ giống như hoặc tương tự với các sản phẩm/dịch vụ mà Công Ty hoặc các công ty con (công ty trực thuộc) của Công Ty đang thực hiện hoặc tham gia sản xuất/cung ứng và kinh doanh.

l. "Người Thâu Tóm" là: (i) người đại diện cho Cổ Đông là tổ chức, và (ii) Cổ Đông là cá nhân hoặc người đại diện của Cổ Đông là cá nhân, mà Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân) đó có ý định nắm giữ hoặc cùng với Người Có Liên Quan quy định tại Điều 1.1.g của Điều Lệ này có ý định nắm giữ từ 25% Vốn Điều Lệ của Công Ty trở lên.

m. "Đại Diện Theo Ủy Quyền" là người được Cổ Đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật.

n. "Người Được Ủy Quyền Dự Họp" là người được Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân) hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

o. Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập là thành viên Hội Đồng Quản Trị không phải là (i) Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm hoặc (ii) cổ đông lớn của Công Ty.

2. Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty

1. Tên Công Ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN**
- Tên tiếng Anh: MASAN GROUP CORPORATION
- Tên giao dịch: MASAN GROUP
- Tên viết tắt: MGC

2. Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp Luật hiện hành của Việt Nam và các Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3. Trụ sở đăng ký của Công Ty là:

   - Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
   - Điện thoại: (84 8) 6256 3862
   - Fax: (84 8) 3827 4115
   - E-mail:
   - Website: www.masangroup.com

4. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

5. Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi Pháp Luật cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51.2 và Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều Lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công Ty: nghiên cứu thị trường, hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).

2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty: Công Ty được thành lập để thực hiện các lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công Ty và Điều Lệ này phù hợp với quy định của Pháp Luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.

2. Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp Luật cho phép và Hội Đồng Quản Trị xét thấy có lợi nhất cho Công Ty và được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 4.763.998.200.000 VND (bốn nghìn bảy trăm sáu mươi ba tỷ chín trăm chín mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 476.399.820 cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) VND/cổ phần.

2. Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.

3. Tất cả các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11.

4. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định khác. Công Ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để Cổ Đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Công Ty quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán.

   Hội Đồng Quản Trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

   a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

   b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công Ty;

   c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ khi Pháp Luật có quy định khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

   d. Cổ phần chào bán trên cơ sở thực hiện các quyền chọn mua và quyền chọn bán mà Công Ty đã cam kết;

   e. Các trường hợp khác do Pháp Luật quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và các quy định Pháp Luật. Tất cả các cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ của Công Ty và Hội Đồng Quản Trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này và Luật Chứng Khoán và các văn bản Pháp Luật liên quan.

7. Công Ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại Hội Đồng Cổ Đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp Luật. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ Đông của Công Ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (sau đây gọi chung là "chứng chỉ cổ phiếu") tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Điều 6.7 của Điều Lệ này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công Ty theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn tối đa 1 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện là phải gửi lại cho Công Ty chứng chỉ cũ hoặc nếu chứng chỉ cũ bị mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công Ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội Đồng Quản Trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội Đồng Quản Trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ cổ phiếu và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều Lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu/giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc các chứng chỉ/giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm

thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và Pháp Luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán.

2. Hội Đồng Quản Trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

3. Trong trường hợp một Cổ Đông là cá nhân chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của Cổ Đông này sẽ là người được Công Ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần mà Cổ Đông này sở hữu, nhưng quy định này không có nghĩa giải phóng các trách nhiệm hoặc nghĩa vụ tài sản gắn liền với số cổ phần mà Cổ Đông đã chết nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả, Hội Đồng Quản Trị gửi thông báo cho Cổ Đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại với mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày gửi thông báo cho đến ngày toàn bộ số tiền theo thông báo được thanh toán trên thực tế.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm và phương thức thanh toán. Thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi và các quyền cổ đông liên quan sẽ không phát sinh cho đến khi cổ phần được thanh toán đầy đủ.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đầy đủ và đúng hạn, Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi số cổ phần có liên quan. Hội Đồng Quản Trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Điều 9.4, 9.5, 9.6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều Lệ này.

4. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.

5. Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó (nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi được tính theo mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế

thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông;
2. Hội Đồng Quản Trị;
3. Thường trực Hội Đồng Quản trị;
4. Tổng Giám Đốc; và
5. Ban Kiểm Soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ Đông

1. Cổ Đông là chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

   a. Tham gia các Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Uỷ Quyền Dự Họp;

   b. Nhận cổ tức;

   c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành;

   d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

   e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia Đại Hội Đồng Cổ Đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

   f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, sổ biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

g. Trường hợp Công Ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ Đông loại khác theo quy định của Pháp Luật;

h. Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh Nghiệp; và

i. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.

3. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 37.2;

b. Yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau:

- Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của Người Quản Lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội Đồng Quản Trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ Đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.

d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm Soát;

e. Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và

f. Các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông

Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều Lệ Công Ty và các quy chế của Công Ty; chấp hành quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật hiện hành;

5. Chịu trách nhiêm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

   a. Vi phạm Pháp Luật;

   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; và

   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.

6. Báo cáo về sở hữu của Cổ Đông lớn:

   a. Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ Đông lớn của Công Ty phải báo cáo Công Ty, Uỷ ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày trở thành Cổ Đông lớn. Cho mục đích tại điều khoản này, Cổ Đông lớn là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.

   b. Báo c áo về sở hữu của Cổ Đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:

      - Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với Cổ Đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với Cổ Đông lớn là cá nhân; và

      - Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ Đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

   c. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm (b) trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá 1% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ Đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công Ty, Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết;

   d. Quy định tại các điểm (a), (b) và (c) trên đây cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.

Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá 6 tháng nếu được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội Đồng Quản Trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:

   a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

   b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn Điều Lệ đã bị mất một nửa;

   c. Khi số thành viên của Hội Đồng Quản Trị ít hơn số thành viên mà Pháp Luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều Lệ này;

   d. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ Đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ Đông có liên quan);

   e. Ban Kiểm Soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Người Quản Lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội Đồng Quản Trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; và

   f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

4. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

   a. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại như quy định tại Điều 13.3(c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.3(d) và Điều 13.3(e).

   b. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.4(a) thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát phải thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định Điều 97.5 Luật Doanh Nghiệp.

c. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.4(b) thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3(d) có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định Điều 97.6 Luật Doanh Nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

   a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

   b. Báo cáo của Ban Kiểm Soát;

   c. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị; và

   d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công Ty.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

   a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

   b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị một cách trung thực và sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   c. Số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị;

   d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

   e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát; chấp thuận việc Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Thường trực Hội Đồng Quản Trị;

   f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội Đồng Quản Trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ Công Ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày Thành Lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và các Cổ Đông của Công Ty;

l. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản của Công Ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công Ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công Ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng Giám Đốc đồng thời làm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị;

o. Công Ty hoặc các chi nhánh của Công Ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công Ty và các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Phát hành trái phiếu có khả năng chuyển đổi thành cổ phần của Công Ty và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần của Công Ty theo mức giá định trước;

q. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp Luật, của Điều Lệ này và các quy chế khác của Công Ty.

3. Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều Lệ này khi Cổ Đông đó hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng; và

b. Việc mua cổ phần của Cổ Đông đó hoặc của Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Họp

1. Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Uỷ Quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp Luật; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Uỷ Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Đại Diện Theo Uỷ Quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại

Diện Theo Uỷ Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;

b. S ố lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Uỷ Quyền;

d. S ố cổ phần được uỷ quyền đại diện;

đ. Th ời hạn Đại Diện Theo Ủy Quyền; và

e. Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Uỷ Quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.

Công Ty phải gửi thông báo về Đại Diện Theo Uỷ Quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

2. Các Cổ Đông có quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông theo Pháp Luật có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.

3. Việc uỷ quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Uỷ Quyền Dự Họp;

b. Trường hợp Đại Diện Theo Uỷ Quyền của Cổ Đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của Đại Diện Theo Uỷ Quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Uỷ Quyền Dự Họp; và

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Uỷ Quyền Dự Họp.

Người Được Uỷ Quyền Dự Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại Điều 15.4, phiếu biểu quyết của Người Được Uỷ Quyền Dự Họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ Đông đến ngày khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông thì cổ đông sẽ thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công Ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều Lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4(b) hoặc Điều 13.4(c) của Điều Lệ này.

2. Người triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại Hội Đồng Cổ Đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với Pháp Luật và các quy định của Công Ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông; và

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đối với các Cổ Đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán, trên website của Công Ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công Ty đóng trụ sở chính. Đối với các Cổ Đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được gửi cho Cổ Đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ Đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp Cổ Đông đã thông báo cho Công Ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp Cổ Đông là người làm việc trong Công Ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công Ty có website, thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên website của Công Ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ Đông.

4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 17.4 của Điều Lệ này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không có đủ ít nhất trên 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng trở lên; và

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả Cổ Đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người Được Uỷ Quyền Dự Họp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông, những quyết định được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Uỷ Quyền Dự Họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai, và trong trường hợp này Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Uỷ Quyền Dự Họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều Lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Vào ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Người Được Uỷ Quyền Dự Họp và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại Hội Đồng Cổ Đông không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ Đông đến dự Đại Hội Đồng Cổ Đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại Hội Đồng Cổ Đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại Hội Đồng Cổ Đông để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu

lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì, trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt thì Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc là người được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch hoặc Chủ tọa được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ toạ Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể hoãn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể hoãn Đại Hội Đồng Cổ Đông khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Điều 19.6 của Điều Lệ này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ toạ của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Thư ký Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại Hội Đồng Cổ Đông phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội Đồng Quản Trị có thể yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội Đồng Quản Trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội Đồng Quản Trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp nói trên ra khỏi Đại Hội Đồng Cổ Đông.

10. Hội Đồng Quản Trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội Đồng Quản Trị cho là thích hợp để:

    a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; và

c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội Đồng Quản Trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội Đồng Quản Trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của Đại Hội Đồng Cổ Đông");

b. Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đồng thời tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông;

Thông báo về việc tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

12. Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông sẽ được coi là tham gia Đại Hội Đồng Cổ Đông ở Địa điểm chính của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Hàng năm Công Ty phải tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất một lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 20.2 của Điều Lệ này, các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công Ty; và

c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát và phê chuẩn việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc.

2. Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều Lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công Ty, giao dịch bán tài sản Công Ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua

do Công Ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty và các chi nhánh của Công Ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Uỷ Quyền Dự Họp có mặt tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trừ trường hợp quy định tại Điều 20.1 của Điều Lệ này, các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

2. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng Cổ Đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;

   b. Mục đích lấy ý kiến;

   c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Uỷ Quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;

   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

   f. Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và

   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức.

   Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

   c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;

   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

   e. Các quyết định đã được thông qua; và

   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, người đại diện theo pháp luật của Công Ty và của người giám sát kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty; và

8. Trong trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của Điều 21 của Điều Lệ này thì quyết định đó được thông qua khi các cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Người chủ trì Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại Hội Đồng Cổ Đông và gửi cho tất cả các Cổ Đông trong vòng 15 ngày khi Đại Hội Đồng Cổ Đông kết thúc. Biên bản Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại Hội Đồng Cổ Đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ

khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ Đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu Toà Án hoặc Trọng Tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty; và

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp Luật hoặc Điều Lệ Công Ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

2. Các Cổ Đông nắm giữ trên 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh Nghiệp;

b. Cổ Đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc Cổ Đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần, người không phải là Cổ Đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công Ty.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:

   a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ Công Ty hoặc bị Pháp Luật cấm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;

   b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty;

   c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

   d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội Đồng Quản Trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

   e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông; và

   f. Thành viên đó cùng lúc vừa là Người Thâu Tóm nhưng đồng thời cũng vừa là người của Đối Thủ Cạnh Tranh của Công Ty.

6. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thông báo theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công Ty. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị của trên năm (05) công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám Đốc và các Người Quản Lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do Pháp Luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

   a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

   b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

   c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các Người Quản Lý Công Ty theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và quyết định mức lương của họ; cử đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

   d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty;

   e. Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người Quản Lý đó;

   f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

   g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu của Công Ty và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu của Công Ty theo mức giá định trước;

   h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

   i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý hoặc người đại diện của Công Ty khi Hội Đồng Quản Trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công Ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có;

   j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

   k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;

   l. Cử và miễn nhiệm người đại diện phần vốn góp hoặc vốn cổ phần của Công Ty tại các công ty mà Công Ty đầu tư vốn; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công Ty đầu tư 100% vốn điều lệ.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn:

   a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;

   b. Thành lập các công ty con của Công Ty;

   c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh Nghiệp, Điều 14.2(o) và Điều 35.4(b) của

Điều Lệ phải do Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Hội Đồng Quản Trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công Ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công Ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công Ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1% tổng giá trị tài sản của Công Ty và các chi nhánh của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc Công Ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;

l. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Thường trực Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn;

m. Quyết định ủy quyền cho Thường trực Hội Đồng Quản Trị thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị;

n. Ban hành Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế về tổ chức hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện, thể thức tiến hành họp và thông qua các quyết định của Thường trực Hội Đồng Quản Trị sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn.

5. Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo cho Đại Hội Đồng Cổ Đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

6. Trừ khi Pháp Luật và Điều Lệ này quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.

7. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thoả thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị (và số tiền thù lao cho từng thành viên) phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công Ty.

9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ Tịch hoặc Phó Chủ Tịch), hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

10. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 26. Thường trực Hội Đồng Quản Trị

1. Thường trực Hội Đồng Quản Trị gồm hai (02) hoặc ba (03) thành viên Hội Đồng Quản Trị, do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn.

2. Thường trực Hội Đồng Quản Trị có thể được Hội Đồng Quản Trị ủy quyền để thực hiện một số quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị.

3. Các quyết định của Thường trực Hội Đồng Quản Trị được thông qua theo nguyên tắc nhất trí.

Điều 27. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu ra một Chủ Tịch và một Phó Chủ Tịch. Trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám Đốc của Công Ty. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám Đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

2. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp. Phó Chủ Tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ Tịch trong trường hợp được Chủ Tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ Tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện

nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ Tịch không chỉ định Phó Chủ Tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định Phó Chủ Tịch. Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ Tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.

4. Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 28. Ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội Đồng Quản Trị khác, hoặc một người khác được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn, thay mặt mình dự họp Hội Đồng Quản Trị và phải chịu trách nhiệm về việc ủy quyền đó.

2. Người được ủy quyền có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền vắng mặt, nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công Ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị thay thế.

3. Người được ủy quyền sẽ đương nhiên mất tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp người ủy quyền không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị.

4. Việc ủy quyền hoặc hủy bỏ việc ủy quyền phải được thành viên Hội Đồng Quản Trị thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

1. Họp bầu Chủ Tịch: Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ Tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ Tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã được bầu bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ Tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ Tịch phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

   a. Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm (5) Người Quản Lý;

b. Hai (2) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

c. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị; hoặc

d. Đa số thành viên Ban Kiểm Soát.

4. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 29.3 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ Tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 29.3 có thể tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội Đồng Quản Trị không thể dự họp.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết:

   a. Trừ quy định tại Điều 29.9(b), mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người đại diện thay thế trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

   b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Một thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

   c. Theo quy định tại Điều 29.9(d), khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản

Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 35.4(a) và Điều 35.4(b) của Điều Lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội Đồng Quản Trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội Đồng Quản Trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ Tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội Đồng Quản Trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ Tịch không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

13. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

    a. Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và

    b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

    Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều Lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều Lệ này, thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội Đồng Quản Trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

    Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải

được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội Đồng Quản Trị sau đây:

    a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; và

    b. Số lượng thành viên ký vào nghị quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội Đồng Quản Trị.

    Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

15. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội Đồng Quản Trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp.

16. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám Đốc, những Người Quản Lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội Đồng Quản Trị theo lời mời của Hội Đồng Quản Trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội Đồng Quản Trị.

17. Các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị: Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội Đồng Quản Trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội Đồng Quản Trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội Đồng Quản Trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội Đồng Quản Trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Công Ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội Đồng Quản Trị. Công Ty có một Tổng Giám Đốc hoặc một số Phó Tổng Giám Đốc và một Kế Toán Trưởng do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc có thể đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị, và được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 31. Người Quản Lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được sử dụng số lượng và loại Người Quản Lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do Hội Đồng Quản Trị đề xuất tuỳ từng thời điểm. Người Quản Lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định và hợp đồng với những Người Quản Lý khác sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

1. Bổ nhiệm: Hội Đồng Quản Trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội Đồng Quản Trị hoặc một người khác làm Tổng Giám Đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo trong Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công Ty.

2. Nhiệm kỳ: Theo Điều 27 của Điều Lệ này, Tổng Giám Đốc có thể là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc là ba năm trừ khi Hội Đồng Quản Trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không được phép là những người bị Pháp Luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám Đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

   a. Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

   b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

   c. Kiến nghị số lượng và các loại Người Quản Lý mà Công Ty cần thuê để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội Đồng Quản Trị đề xuất, và tư vấn để

Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người Quản Lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm hoặc một thời hạn khác do Hội Đồng Quản Trị quyết định, Tổng Giám Đốc phải trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội Đồng Quản Trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty; và

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc và Pháp Luật.

4. Báo cáo lên Hội Đồng Quản Trị và các Cổ Đông: Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám Đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội Đồng Quản Trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám Đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế.

Điều 33. Thư Ký Công Ty

Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư Ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Thư Ký Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp Luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư Ký Công Ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư Ký Công Ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo lệnh của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; và

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. Bao gồm:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

   b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

   Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo tới Công Ty trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

   Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thành viên Hội Đồng

Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

3. Công Ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.

4. Theo Điều 120 của Luật Doanh Nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:

   - Cổ Đông, đại diện ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;

   - Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;

   - Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;

   - Doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ;

sẽ không bị vô hiệu, nếu:

   a. đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát đã được báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan; hoặc

   b. đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó. Những hợp đồng này được chấp thuận khi có 65% số Cổ Đông không có lợi ích liên quan biểu quyết tán thành;

   c. hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ Đông của Công Ty vào thời

điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội Đồng Quản Trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị hay các Cổ Đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý hay Người Có Liên Quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn dẫn đến những quyết định trái với Điều Lệ này hoặc các quy định của pháp luật sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại cho Công Ty do hành vi vi phạm của mình gây ra, theo các quy định trách nhiệm cụ thể của pháp luật.

2. Bồi thường: Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công Ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công Ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty (hay công ty con của Công Ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty (hay công ty con của Công Ty) với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Thành viên Ban Kiểm Soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban Kiểm Soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty. Ban Kiểm Soát phải chỉ định một thành viên là Cổ Đông của Công Ty làm Trưởng Ban. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm Soát;

b. Yêu cầu Công Ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm Soát; và

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Các cổ Đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm Soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm Soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát có thể không mang quốc tịch Việt Nam. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

   Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

   a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;

   b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác.

4. Thành viên Ban Kiểm Soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

   a. Thành viên đó bị Pháp Luật cấm làm thành viên Ban Kiểm Soát;

   b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công Ty;

   c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm Soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

   d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm Soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm Soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; và

   e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm Soát theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 38. Ban Kiểm Soát

1. Công Ty phải có Ban Kiểm Soát và Ban Kiểm Soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

   a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

   b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

   c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công Ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công Ty nếu thấy cần thiết;

   d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội Đồng Quản Trị;

   e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

   f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công Ty;

   g. Xem xét báo cáo của Công Ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; và

   h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát. Thư ký Công Ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và bản sao các biên bản họp Hội Đồng Quản Trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm Soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội Đồng Quản Trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm Soát. Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm Soát sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm Soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm Soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 37..2 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty danh sách Cổ Đông, các biên bản của Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ Đông có quyền được Công Ty cấp một bản Điều Lệ Công Ty miễn phí. Trường hợp Công Ty có website riêng, Điều Lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 40. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người Quản Lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định Pháp Luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 41. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và theo quy định của Pháp Luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công Ty nhưng không được vượt quá mức do Hội Đồng Quản Trị đề xuất một cách trung thực và sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông. Công Ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ Đông khi Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty.

3. Công Ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội Đồng Quản Trị có thể đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội Đồng Quản Trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông) thì Cổ Đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công Ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ Đông nhằm cho phép Công Ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông của Công Ty thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần dùng để trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công Ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 42. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công Ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật.

3. Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 44. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công Ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Pháp Luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công Ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công Ty.

Điều 45. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 46. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công Ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.

3. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công Ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 của Điều Lệ này. Công Ty sẽ nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong

năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công Ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công Ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công Ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán/Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các Cổ Đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công Ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công Ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công Ty, tại trụ sở chính của Công Ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội Đồng Quản Trị. .

2. Công Ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công Ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác

liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội Đồng Quản Trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp Luật.

2. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

   a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

   b. Toà án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật hiện hành;

   c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   d. Các trường hợp khác do Pháp Luật quy định.

2. Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông

Trừ khi Điều Lệ này có quy định khác, các Cổ Đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội Đồng Quản Trị hoạt động.

2. Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội Đồng Quản Trị sẽ triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ Đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công Ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

   a. Các chi phí thanh lý;

   b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

   c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công Ty phải trả cho Nhà nước;

   d. Các khoản vay (nếu có);

   e. Các khoản nợ khác của Công Ty;

   f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền của các Cổ Đông phát sinh từ Điều Lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh Nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

   a. Cổ Đông với Công Ty; hoặc

b. Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp Luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty .

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều Lệ này gồm XXI chương 57 điều, được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua ngày 09 tháng 10 năm 2009 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.

2. Điều Lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công Ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty phải có chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị mới có giá trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty

Nguyễn Đăng Quang
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty